

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HC-PT

Ngày: 15-01-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán: Ông Đinh Phước Hòa

Ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thế Trường, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 298/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 113/2024/HC-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Y** - sinh năm: 1955. Thường trú: **Tổ dân phố A, phường K, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.**

Địa chỉ liên hệ: 184/36/37 **G, P. T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quốc H** - sinh năm: 1970 và bà **Bùi Thị P** - Sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: **184/36/37 G, P. T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk** (Theo Giấy ủy quyền ngày 25/7/2024), ông **H** có mặt, bà **P** vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Địa chỉ: **I L, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Ngọc N** - Chức vụ: Chủ tịch **UBND tỉnh Đ**.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thiên V** - Chức vụ: Phó chủ tịch **UBND tỉnh Đ**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đ:

+ Ông **Lê Minh Đ** – Phó giám đốc **Sở T**. Có mặt.

+ Ông **Võ Duy N1**: Chuyên viên phòng quản lý đất đai, **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T**. Địa chỉ: **D P, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**.

Đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Minh H1** - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Minh Đ** - Chức vụ: Phó Giám đốc, vắng mặt.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: **F C, P. T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**.

Đại diện theo pháp luật: ông **Vũ Thanh H2** - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Minh H3** – Chuyên viên Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Ông **Long Tuấn A** - Sinh năm 1964. Địa chỉ: **Thôn D, xã H, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**.

Đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Quốc H** - sinh năm: 1970 Địa chỉ: **184/36/37 G, P. T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**, có mặt.

Người kháng cáo: ông **Nguyễn Quốc H** và bà **Bùi Thị P** đại diện theo ủy quyền người khởi kiện bà **Nguyễn Thị Y**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Quốc H - đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6 phường T, Tp . do bà H Lap Ê (hiện nay bà H Lap Ê đã chết) khai hoang và sang nhượng cho ông Long Tuấn A. Ngày 10/3/1990 ông Long Tuấn A sang nhượng cho bà Y, khi chuyển nhượng các bên chỉ viết giấy tay với nhau, không có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng có bàn giao đất trên thực địa. Khi bà Y nhận sang nhượng trên đất đã có nhà xây cấp 4, giếng nước, xoài cổ thụ và các cây trồng lâu năm trên đất. Sau khi nhận sang nhượng bà Y đã canh tác quản lý và trồng các loại cây ngắn ngày. Khoảng cuối năm 2012 đến hết năm 2013 bà Y có cho bà Dương Thị Minh Q có mối quan hệ họ hàng thông gia mượn nhà ở để ở và khoảng năm 2015, 2016 bà Y có đồng ý cho 3 người đến ở nhờ để vật dụng làm đường và làm lán tạm bằng gỗ, nền xi măng trên diện tích đất nhận sang nhượng của ông Long Tuấn A (không nhớ tên, không biết hiện nay họ ở đâu). Sau đó bà Y và tiếp tục quản lý, sử dụng.

Năm 2023 bà Y làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ký hợp đồng đo đạc tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đối với thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6. Ngày 28/11/2023 chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ban hành thông báo số 3754/TB-CNBMT trả lời diện tích đất của bà Y đã bị thu hồi tại Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ nên chưa đủ điều kiện để giải quyết. Sau đó chúng tôi đi tìm hiểu mới biết được Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ có thu hồi diện tích đất của bà Y tại trích lục bản đồ số 998 tại phường T, Tp ., lý do thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C1 bị giải thể.

Ngày 06/01/2024 Công ty TNHH V1 Thái Hồng S cho rằng đã thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh N2 đã đưa máy móc, đưa người đến đập phá nhà, lấp giếng chặt cây và chiếm đất sử dụng làm bãi xe của nhà xe T1 cho đến nay. Bà Y có làm đơn tố cáo đến các cơ quan chức năng nhưng không được giải quyết.

Tôi xác định diện tích đất trên từ năm 1990 đến 2024 ngoài bà Y và những người bà Y cho ở nhà thì không có bất kỳ cá nhân nào khác quản lý sử dụng. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Trung tâm quỹ đất Đắc Lắc cho rằng đất của bà Y có hợp đồng liên kết giữa ông Trịnh Hồng M, Trần Đình Đ1, Phan Văn C và diện tích đất của bà Y đã được UBND thành phố B lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 chúng tôi hoàn toàn không đồng ý. Đất do bà

Y nhận chuyển nhượng, quản lý sử dụng, trên đất không có bất kì cây cà phê nào nên không phải là đất nằm trong khu vực giao khoán với **Công ty C1**.

Do đó, bà **Y** khởi kiện đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của **UBND tỉnh Đ** để trả lại thửa đất trên cho bà **Y**.

Tại bản tự khai ông Nguyễn Thiên V - đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Đ trình bày:

Theo đơn khởi kiện, bà **Nguyễn Thị Y** cho rằng thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6 (vị trí góc giao giữa **đường T** và đường 30 tháng 4 (**đường V** phía Tây cũ) tại **phường T, thành phố B** có nguồn gốc do bà **H L** ÊBan khai hoang trước đây.

Tuy nhiên, qua lồng ghép, đối chiếu hệ thống bản đồ địa chính **phường T**, bản đồ **Công ty TNHH MTV C1** quản lý qua các thời kỳ thì thấy rằng thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6, **phường T tại góc đường T** và đường 30 tháng 4 (**đường V** phía Tây cũ) là đất của **Công ty TNHH MTV C1**, được **UBND tỉnh Đ** thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của **UBND tỉnh Đ** giao **Trung tâm P1** quản lý, vị trí thửa đất 556 được xác định nằm trong Trích lục bản đồ địa chính số 998/TL-VPĐKĐĐ ngày 14/10/2016 của **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ** lập.

Mặt khác, năm 2020 khi thực hiện dự án Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô **Thái Hồng S** thì Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** đã lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và được **UBND thành phố B** phê duyệt tại Quyết định số 3119/QĐ- UBND ngày 22/4/2020 của **UBND thành phố B**, theo đó xác định người sử dụng đất là các ông: **Trịnh Hồng M, Trần Đình Đ1, Phan Văn C** (là những người có Hợp đồng liên kết với **Công ty TNHH MTV C1**), không có tên người sử dụng đất là bà **Nguyễn Thị Y**, đồng thời phạm vi, vị trí thực hiện bồi thường, GPMB trùng khớp với vị trí thửa đất số 556 mà bà **Nguyễn Thị Y** cho rằng đang quản lý sử dụng.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định rằng, thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6, **phường T** (vị trí góc giao giữa đường **Thủ Khoa H4** và đường 30 tháng 4) là đất của **Công ty TNHH MTV C1**, hiện nay đã được UBND tỉnh thu hồi giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý. Không có cơ sở để khẳng định thửa đất này có nguồn gốc do bà **H Lạp Ê1** khai hoang.

Ông Lê Minh H3 – đại diện theo ủy quyền của Trung tâm phát triển quỹ đất và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đ trình bày:

Ông **Lê Minh H3** thống nhất cùng quan điểm với đại diện theo ủy quyền của **UBND tỉnh Đ.**

Ông Nguyễn Quốc H – đại diện theo ủy quyền của ông Long Tuấn A trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6 **phường T, Tp .** do bà H Lap Êban khai hoang và sang nhượng cho ông **Long Tuấn A.** Ngày 10/31990 ông **Long Tuấn A** sang nhượng cho bà **Y**, khi chuyển nhượng các bên chỉ viết giấy tay với nhau, không có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng có bàn giao đất trên thực địa nhưng. Khi bà **Y** nhận sang nhượng ông **L1** đã bàn giao toàn bộ đất và tài sản trên đất cho bà **Y** gồm có nhà xây cấp 4, giếng nước, xoài cổ thụ và các cây trồng lâu năm trên đất. Sau đó bà **Y** có nhờ ông **Tuấn A** đứng tên ký hợp đồng điện để bà **Y** sử dụng. Ông **Tuấn A** cho rằng diện tích trên có nguồn gốc do bà H Lap Êban khai hoang chứ không phải đất của Công ty cà phê.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 113/2024/HC-ST ngày 29/7/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai 2013; Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2]. Tuyên xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Y** về việc yêu cầu Tòa án Tuyên hủy một phần Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của **UBND tỉnh Đ** để trả lại thửa đất 556, tờ bản đồ số 6, **phường T tại góc đường T** và đường 30 tháng 4 để trả lại thửa đất cho bà **Y**.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2024, những người đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị Y** gồm ông **Nguyễn Quốc H** và bà **Bùi Thị P** có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông **H**, bà **P** cho rằng người khởi kiện không

đồng ý với Bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Y**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông **Nguyễn Quốc H** và bà **Bùi Thị P** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Y**, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên xem xét kháng cáo của những người đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị Y**, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 3, 30, 32, 116; Điều 193, của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

[1.2]. Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà **Y**, người khởi kiện là hợp lệ, trong thời hạn pháp luật quy định, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét về nguồn gốc thửa đất liên quan việc bà **Y** khiếu kiện, xét thấy: Ông **Nguyễn Quốc H** - đại diện theo ủy quyền của bà **Y** trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6 **phường T, Tp .** do bà **Y** nhận chuyển nhượng của ông **Long Tuấn A** sang nhượng cho bà **Y**, khi chuyển nhượng các bên chỉ viết giấy tay với nhau, không có xác nhận của chính quyền địa phương, nhưng có bàn giao đất trên thực địa, khi bà **Y** nhận sang nhượng trên đất đã có nhà xây cấp 4, giếng nước, xoài cổ thụ và các cây trồng lâu năm trên đất. Tài liệu, chứng cứ kèm theo bà **Y** đã cung cấp là bản sao “Giấy mua đất” viết tay ngày

05/3/1990 giữa ông Long Tuấn A (1964) với vợ chồng ông H Lap Ê Ban và “Giấy bán đất” viết tay, ngày 10/3/1993, giữa ông Long Tuấn A với bà Nguyễn Thị Y (cả 02 giấy đều không có chính quyền địa phương xác nhận), (Bút lục 08;09)

[2.2]. Đại diện cho người bị kiện trình bày về nguồn gốc thửa đất: Thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6, phường T, tại góc đường T và đường 30 tháng 4 (đường V phía Tây cũ) là đất của Công ty TNHH MTV C1, được UBND tỉnh Đ thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ, giao Trung tâm P1 quản lý, vị trí thửa đất 556 được xác định nằm trong Trích lục bản đồ địa chính số 998/TL-VPĐKĐĐ ngày 14/10/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ lập.

[2.3]. Xem xét về hồ sơ địa chính liên quan thửa đất, xét thấy: Trên cơ sở lồng ghép, đối chiếu hệ thống bản đồ địa chính phường T cho thấy, thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6, phường T, tại trích lục bản đồ địa chính số 998/TL-VPĐKĐĐ ngày 14/10/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ lập thể hiện thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6, phường T, là đất của Công ty TNHH MTV C1, đã được UBND tỉnh Đ thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 để giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý. Hiện nay thửa đất do Công ty T2 thực hiện dự án Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S.

[2.4]. Tại biên bản xác minh UBND phường T xác định thửa đất số 556, tờ bản đồ số 6 là đất của Công ty TNHH MTV C1. Hiện nay thửa đất do Công ty T2 thực hiện dự án Trung tâm giới thiệu sản phẩm thiết bị và dịch vụ sửa chữa thay thế ô tô Thái Hồng S.

Xét thấy, bà Y khởi kiện nhưng không cung cấp được bất kỳ một loại giấy tờ gì để chứng minh về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, việc nhận chuyển nhượng chỉ bằng giấy viết tay, không có chính quyền địa phương xác nhận, quá trình sử dụng bà Y cũng không kê khai, đăng ký gì với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, về tài sản cũng không có chứng cứ gì để chứng minh, xem xét về hiện trạng thì thửa đất đang được Công ty T2 thực hiện dự án, do vậy, tại Bản án sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của bà Y là có cơ sở, đúng pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm bà Y, cũng như những người đại diện theo ủy quyền của bà Y không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu tài sản trên đất, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng không có cơ sở để xem xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà Y.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy, tại Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Y** về yêu cầu hủy một phần Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của **UBND tỉnh Đ** để trả lại thửa đất 556, tờ bản đồ số 6, **phường T, tại góc đường T** và đường 30 tháng 4 để trả lại thửa đất cho bà **Y** là có căn cứ pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông **Nguyễn Quốc H** và bà **Bùi Thị P** là những người đại diện theo uỷ quyền của bà **Nguyễn Thị Y**, giữ nguyên Quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm.

[3]. Về án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm, Bà **Nguyễn Thị Y** là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Không chấp nhận kháng cáo của ông **Nguyễn Quốc H** và bà **Bùi Thị P** là những người đại diện theo uỷ quyền của bà **Nguyễn Thị Y**, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 113/2024/HC-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Áp dụng Điều 95; Điều 96 Luật Đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

2. Tuyên xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Y** về việc yêu cầu Tòa án Tuyên hủy một phần Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của **UBND tỉnh Đ** để trả lại thửa đất 556, tờ bản đồ số 6, **phường T tại góc đường T** và đường 30 tháng 4 để trả lại thửa đất cho bà **Y**.

3. Về án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm, áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; bà **Nguyễn Thị Y** được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ
Trương Công Thi**